KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn: Tiếng Việt

Tên bài học: Bài 118. oam, oăm (2 tiết )

Tiết chương trình: 265, 266

Thời gian thực hiện: 17/2/2025

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các vần oam, oăm; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oam, oăm.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần oam, vần oăm.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Mưu chú thỏ.

- Viết đúng các vần oam, oăm, các tiếng ngoạm, (mỏ) khoằm cỡ nhỡ (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1/ GV: tranh minh họa, thẻ để HS viết ý lựa chọn.

2/ HS: sgk, vở, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | HĐBT |
| Tiết 1 | |  |
| 1. Hoạt động mở đầu: (5’)  a/ Khởi động:  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát “ Xòe hoa”  b/ Giới thiệu bài.  Giới thiệu nội dung học.  2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới. (30’)  Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá.  \* Dạy vần oam  - GV giới thiệu vần oam  - Gọi HS phân tích vần oam  - GV đánh vần, đọc trơn.  - YC HS đánh vần, đọc trơn (cá nhân, nhóm, cả lớp)  - Quan sát hình và cho biết đây là hình ảnh gì? *(ngoạm)*  - Gọi HS phân tích tiếng ngoạm  - Gv nhận xét.  - GV đánh vần, đọc trơn tiếng ngoạm  - Gọi HS đánh vần, đọc trơn (cá nhân, nhóm, cả lớp)  \* Dạy vần oăm  - GV giới thiệu vần  - Gọi HS phân tích vần oăm  - GV đánh vần, đọc trơn.  - YC HS đánh vần, đọc trơn (cá nhân, nhóm, cả lớp)  - Quan sát hình và cho biết đây là hình ảnh gì? *(mỏ khoằm)*  - Trong từ “ mỏ khoằm” có tiếng nào chứa vần oăm vừa học?  - Gọi HS phân tích tiếng khoằm  - Gv nhận xét.  - GV đánh vần, đọc trơn tiếng khoằm  - Gọi HS đánh vần, đọc trơn (cá nhân, nhóm, cả lớp)  Hoạt động 2: Luyện tập  *\* Mở rộng vốn từ* (BT 2: Tiếng nào có vần oam? Tiếng nào có vần oăm?).  - GV chỉ từng từ cho 1 HS đánh vần, 1 tô đánh vần: *nhồm nhoàm, sâu hoắm, ngoạm*. Chỉ từng câu cho cả lớp đọc trơn: *Dê nhai lá nhồm nhoàm,..*  - HS đọc thầm từng câu, tìm tiếng có vần oam, vần oăm. /HS nói kết quả  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng nhoàm có vần oam. Tiếng hoắm có vần oăm...  *\* Tập viết* (bảng con - BT 4)  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: oam, oăm, ngoạm, mỏ khoằm.  b) Viết vần: oam, oăm  - 1 HS đọc vần oam, nói cách viết. / GV vừa viết vừa hướng dẫn cách nối nét giữa o, a, m. / Làm tương tự với vần oăm.  - HS viết: oam, oăm (2 lần).  c) Viết tiếng: ngoạm, (mỏ) khoằm  - GV vừa viết tiếng ngoạm vừa hướng dẫn. Chú ý chữ g cao 2,5 li, dấu nặng đặt dưới a. / Làm tương tự với khoằm, dấu huyền đặt trên ă.  - HS viết: ngoạm, (mỏ) khoằm (2 lần). | - HS thực hiện.  - HS hát.  - HS nghe.  - HS theo dõi.  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS thực hiện.  - HS quan sát, trả lời.  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS thực hiện.  - HS theo dõi.  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS thực hiện.  - HS quan sát, trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS đọc  - HS viết.  - HS quan sát.  - HS viết.  - HS quan sát  - HS viết | -GV gợi mở cho HS chậm phân tích |
| Tiết 2 | |  |
| Hoạt động 3: Tập đọc  a) GV chỉ hình minh hoạ bài Mưu chú thỏ, giới thiệu: *hổ đang nhìn bóng mình dưới giếng, thỏ đứng trong bụi cây bên giếng nhìn ra.*  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: lang thang (đi đến chỗ này rồi lại đi chỗ khác, không dừng lại ở chỗ nào); giếng (hố đào sâu xuống lòng đất để lấy nước); sâu hoắm (rất sâu, không thấy đáy).  c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: mưu, nộp mạng, đến lượt, buồn bã, lang thang, lòng giếng sâu hoắm, oàm, tiếng gầm, lao xuống, hết đời.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu).  - GV chỉ từng câu, HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 4 và 5; câu 7 và 8).  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - 1 HS đọc trước lớp nội dung BT.  - HS viết ý mình chọn lên thẻ. / HS giơ thẻ. / Đáp án: Ý b đúng.  - Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp (không nói ý b, chỉ nói câu trả lời):  +1 HS: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng?  + Cả lớp: (Ý b) Vì nó tưởng dưới giếng có con hổ khác.  - GV nhắc HS không chơi gần giống hoặc hố sâu nguy hiểm.  \*Củng cố và dặn dò (5’)  - Chuẩn bị bài sau  - Nhận xét tiết học | - HS quan sát.  - HS nghe.  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS thi đọc.  - HS đọc.  - HS làm bài.  - HS thực hiện.  - HS đọc  - HS đọc  - HS nghe. |  |

IV.ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY